TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 05/2017/HNGĐ-PT
Ngày 26-7-2017
V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Vinh.
Các Thẩm phán: + Ông Phạm Văn Khôi.
+ Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình*:** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tống Thế V, sinh năm 1971.
Trú tại: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Xóm Q, thôn S, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1933; trú tại: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1934; đều trú tại: Xóm Q, thôn S, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (ông T ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 05/01/2017).

- Ông Trần Xuân T và bà Lã Thị N; đều trú tại: Số nhà 50 đường 3136 P, khu dân cư P, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Tống Thị H, sinh năm 1960; trú tại: Thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Tống Thế V, sinh năm 1956; trú tại: Số nhà 34 đường T, phố P, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Tống Thế P, sinh năm 1962; trú tại: Ấp P, xã L, huyện Đ, thành phố Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Tống Thị Q, sinh năm 1965; trú tại: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Tống Thị X, sinh năm 1974; trú tại: Thôn X, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Tống Thị N, sinh năm 1978; trú tại: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Tống Thế T, sinh năm 1968; trú tại: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Tống Thế Th, sinh năm 1982; trú tại: Thôn C, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị X; đều trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn L xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976; trú tại: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo: Anh Tống Thế V.

Tại phiên tòa có mặt: Anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 11/8/1993. Sau khi kết hôn, anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y sống cùng bố mẹ anh Tống Thế V tại thôn C, xã G một thời gian thì mua đất và làm nhà ở tại thôn T, xã G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị Nguyễn Thị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2010 cho tới nay. Năm 2012, chị Nguyễn Thị Y làm đơn xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện G đã xử cho chị Nguyễn Thị Y ly hôn anh Tống Thế V; anh Tống Thế V có đơn kháng cáo xin đoàn tụ, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã chấp nhận đơn kháng cáo của anh Tống Thế V, xử bác đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y. Nay anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Tống Thế V xin ly hôn, chị Nguyễn Thị Y cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y có một con chung là cháu Tống Thế T, sinh ngày 30/3/1994. Cháu Tống Thế T đã trưởng thành, trên 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung:

Đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 15, thôn T, xã G, diện tích là 452 m^2. Anh Tống Thế V khai đây là tài sản chung, do vợ chồng anh mua năm 1996 của ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị N (bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Y); Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Y lại khai ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị N chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng chị ¼ trong diện tích 452 m^2 với giá 2.000.000 đồng, còn lại ¾ của 452 m^2 đất ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị N chỉ cho vợ chồng chị mượn để làm ăn; nếu vợ chồng chị sống hòa thuận với nhau thì sau này khi chết ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị N sẽ cho nốt vợ chồng chị số diện tích đất ¾ còn lại.

Đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m^2 tại đường 477, xã G mang tên Tống Thế V. Chị Nguyễn Thị Y khai đây là tài sản chung của vợ chồng. Nhưng anh V cho rằng đây là tài sản của ông Tống Thế L và bà Nguyễn Thị T (bố mẹ đẻ anh) nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ anh xin và được cấp theo tiêu chuẩn hộ gia đình đông con năm 1992, trước khi anh cưới chị Nguyễn Thị Y, mọi thủ tục nộp tiền đất, đứng tên mảnh đất trên đều do ông Tống Thế L, bà Nguyễn Thị T nhờ anh đứng tên hộ vì thời điểm đó các anh chị đi thoát ly, có mình anh là con trai ở nhà, mọi việc lớn nhỏ trong nhà đều do anh đi làm. Năm 1994 mẹ anh xây một căn nhà cấp 4 trên đất và cho anh Nguyễn Văn T thuê nhà. Việc vượt lập, xây nhà đều do mẹ anh là bà Nguyễn Thị T bỏ công sức, tiền của ra làm, anh chỉ là người đứng tên hộ, không phải là tài sản của vợ chồng, anh không đồng ý chia thửa đất này. Những người có quyền lợi liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị T, bà Tống Thị H, ông Tống Thế V, ông Tống Thế P, bà Tống Thị Q, bà Tống Thị X, bà Tống Thị N, ông Tống Thế T, ông Tống Thế T (con của ông Tống Thế L, bà Nguyễn Thị T) đều cho rằng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, diện tích 120m^2 tại đường 477, xã G là của ông Tống Thế L, bà Nguyễn Thị T, đồng thời thống nhất để lại cho bà Nguyễn Thị T sử dụng, không đề nghị chia thừa kế phần tài sản của ông Tống Thế L.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 35M2- 5018 mang tên Tống Thế V mua năm 2010. Anh Tống Thế V khai đã bán chiếc xe máy này vào tháng 4 năm 2012 với giá 15.000.000 đồng, anh đã chi tiêu hết vào việc gia đình. Chị Nguyễn Thị Y cho rằng anh Tống Thế V đã tự ý bán xe máy mà không bàn bạc với chị, sử dụng chi tiêu cá nhân nên đề nghị đưa số tiền 15.000.000 đồng bán xe máy vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ: Chị Nguyễn Thị Y khai năm 2009 chị có vay của bà Tống Thị H (*chị gái anh Tống Thế V*) số tiền 4.000.000 đồng để trả tiền vượt lập thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13 ở đường 477, xã G; chị xác định đó là nợ chung của vợ chồng và đề nghị anh Tống Thế V có trách nhiệm trả ½ số tiền mà chị đã vay của bà Tống Thị H. Anh Tống Thế V cho rằng số tiền vay nợ này chị Nguyễn Thị Y không sử dụng vào việc chung của gia đình nên anh không có trách nhiệm thanh toán.

Ngày 01/11/2014, anh Tống Thế V ký hợp đồng bằng văn bản cho anh Nguyễn Văn T thuê nhà và đất tại đường 477, xã G, huyện G để làm ăn kinh doanh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017, Toà án nhân dân huyện G đã quyết định:

Áp dụng các Điều 147, 157, 165 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 469, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 56, 59 và 62 Luật hôn nhân gia đình; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y được ly hôn.

2. Về tài sản chung và công nợ:

- Giao cho anh Tống Thế V được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (do bà Nguyễn Thị T xây dựng) và có quyền sử dụng 120 m^2 đất, tại thửa số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Tống Thế V và số tiền bán xe mô tô 15.000.000 đồng. Tổng giá trị là 689.410.566 đồng.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu 01 nhà mái bằng; 01 quán cắt tóc; 01 nhà bếp; 03 chuồng lợn; 01 nhà vệ sinh; 01 bể nước và 20,5m tường bao và có quyền sử dụng 666,47 m^2 đất, tại thửa số 120, tờ bản đồ số 15 thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình với tứ cận có sơ đồ đo vẽ phần đất của chị Nguyễn Thị Y kèm theo bản án và là bộ phận không thể tách rời của bản án này. Tổng giá trị là: 339.393.592 đồng.

Chị Nguyễn Thị Y và anh Tống Thế V có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

- Anh Tống Thế V có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế của ông Tống Thế L gồm ông, bà: Tống Thế V, Tống Thế P, Tống Thị Q, Tống Thị H, Tống Thị X, Tống Thị N, Tống Thế T, Tống Thế T và Tống Thế V tổng số tiền là 304.224.726 đồng (*Ba trăm linh bốn triệu hai trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*), và thanh toán trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Y số tiền là 22.896.124 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*).

- Chị Nguyễn Thị Y phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Tống Thị H số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

- Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y mỗi người phải nộp 2.500.000 đồng tiền chi phí định giá. Chị Nguyễn Thị Y đã nộp tạm ứng số tiền là 5.000.000 đồng nên anh Tống Thế V phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị Y số tiền chi phí định giá là 2.500.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi

suất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 15/3/2017, anh Tống Thế V có đơn kháng cáo với nội dung: Anh không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện G; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau: Không đồng ý về phần định đoạt chia tài sản chung và riêng. Tòa không công nhận bản di chúc của cha mẹ anh lập ngày 15/2/1995 là không đúng quy định của các điều khoản. Thời gian vợ chồng anh ở chung với bố mẹ là không đúng với thực tế. Tại bản trình bày nội dung kháng cáo ngày 04/7/2017, anh Tống Thế V trình bày: Anh không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án huyện G về việc phân chia tài sản riêng của anh là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G, huyện G. Tòa công nhận thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng là không đúng. Thời gian vợ chồng chung sống với bố mẹ Tòa xem xét chưa đúng. Đề nghị Tòa xem xét bản di chúc của bố mẹ anh lập ngày 15/2/1995, ngoài ra anh không kháng cáo vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa anh Tống Thế V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bác đơn kháng cáo của anh Tống Thế V; giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Anh Tống Thế V kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Tống Thế V nhận thấy: Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Tống Thế V đều khai anh và chị Nguyễn Thị Y kết hôn năm 1993, sau đó sống chung cùng bố mẹ đẻ của anh nhưng ăn uống, sinh hoạt riêng; năm 1996 mua đất của bố mẹ vợ; năm 1997 làm nhà và ra ở riêng. Chị Nguyễn Thị Y cũng xác nhận thời

gian chung sống của vợ chồng như anh Tống Thế V đã khai là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Sau khi kết hôn, anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y sống cùng bố mẹ anh Tống Thế V một thời gian thì mua đất của ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị N năm 1996, đến năm 1997 làm nhà và đến sinh sống tại thửa đất này là phù hợp với lời khai của anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Tống Thế V kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chưa đúng thời gian vợ chồng chung sống với bố mẹ anh là không có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn kháng cáo anh Tống Thế V cho rằng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G, huyện G là tài sản của bố mẹ anh, không phải là tài sản của vợ chồng, anh không đồng ý chia thửa đất này. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 11/8/1993, anh Tống Thế V kết hôn với chị Nguyễn Thị Y. Ngày 02/11/1993, Hội đồng nhân dân xã G họp để ban hành Nghị quyết về việc xin giao đất cho nhân dân làm nhà ở và xây dựng các công trình ở xã G (trong danh sách có hộ anh Tống Thế V). Ngày 22/11/1993, Uỷ ban nhân dân xã G có tờ trình số 04/TT-RĐ xin giao đất xây dựng và làm nhà ở cho dân. Ngày 06/12/1993, Uỷ ban nhân dân huyện G có tờ trình số 90/TT-UB xin giao đất sản xuất, xây dựng cơ bản và cho nhân dân làm nhà ở. Ngày 25/12/1993, Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình có Quyết định số 1314/QĐ-UB về việc giao đất cho 105 hộ gia đình nhân dân xã G, huyện G làm nhà ở theo tờ trình của Uỷ ban nhân dân xã G và huyện G. Năm 1994, anh Tống Thế V được giao đất. Ngày 02/5/1997, Uỷ ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 13, thửa số 69, diện tích 120m^2, đường 477, xã G, huyện G mang tên anh Tống Thế V.

Tại biên bản làm việc ngày 23/9/2016, Uỷ ban nhân dân xã G cung cấp: Đầu năm 1993, xã G có chủ trương xin cấp đất giãn dân cho các hộ gia đình trong xã làm nhà ở. Khi có chủ trương, Uỷ ban nhân dân xã đã thông báo xuống từng cơ sở thôn trong xã được biết để xét các hộ có đủ tiêu chuẩn được cấp đất. Thời điểm đó cả anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y đều là công dân của thôn T, hai gia đình đã đi lại với nhau và định sẵn ngày cưới, chính quyền thôn đã biết nên xét luôn anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y là hộ gia đình thuộc diện được cấp đất nên mới có việc anh Tống Thế V nộp 1.200.000 đồng để được cấp đất vào trước thời điểm anh Tống Thế V kết hôn với chị Nguyễn Thị Y. Mọi thủ tục xin cấp đất xã đều làm sau thời điểm anh Tống Thế V kết hôn với chị Nguyễn Thị Y. Việc cấp thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G là cấp cho hộ gia đình anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y.

Tại Công văn số 823/UBND-TNMT, ngày 08/12/2016 Uỷ ban nhân dân huyện G khẳng định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 13, thửa số 69, đường 477, xã G mang tên Tống Thế V là hoàn toàn đúng trình tự thủ tục của pháp luật; theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại Phòng tài nguyên và môi trường trang số 82, sổ địa chính quyển số 6, toàn bộ diện tích đất trong đó có thửa số 69, tờ bản đồ 13 được cấp cho hộ gia đình ông Tống Thế V, vợ là bà Nguyễn Thị Y.

Như vậy, Uỷ ban nhân dân xã G và Uỷ ban nhân dân huyện G ban hành các văn bản xin cấp đất cho 105 hộ gia đình trong xã G làm nhà ở, trong đó có hộ anh Tống Thế V đều sau thời điểm anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau. Việc cấp thửa đất này với điều kiện là giãn dân đối với những hộ gia đình đông con. Tại thời điểm Uỷ ban nhân dân xã G và Uỷ ban nhân dân huyện G ban hành các văn bản xin cấp đất thì anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y đang ở chung cùng với bố mẹ đẻ của anh Tống Thế V nên mới đủ điều kiện được cấp đất theo chế độ giãn dân. Trong tất cả các phiếu thu tiền lệ phí sử dụng thửa đất này đều thể hiện người nộp tiền là anh Tống Thế V, nội dung nộp tiền là thu tiền đất, lệ phí giao đất… Mặt khác, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1997) đến khi anh Tống Thế V, chị Nguyễn Thị Y ly hôn thì gia đình bà Nguyễn Thị T không ai có khiếu nại gì. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G huyện G là tài sản chung của anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Anh Tống Thế V đề nghị xem xét bản di chúc của bố mẹ anh lập ngày 15/2/1995, xét thấy: Bản di chúc do ông Tống Thế L và bà Nguyễn Thị T lập ngày 15/2/1995, có nêu đến việc chia cho anh Tống Thế V thửa đất số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G, huyện G nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ qúa trình thực hiện việc cấp đất, giao đất; các tài liệu, chứng cứ đều thể hiện cấp đất, giao đất cho anh Tống Thế V; đồng thời các cơ quan quản lý đất đai tại địa phương đều khẳng định thửa đất này thuộc quyền sử dụng của anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y như đã phân tích ở phần trên. Vì vậy, ông Tống Thế L và bà Nguyễn Thị T không có quyền định đoạt quyền sử dụng thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến việc ông Tống Thế L và bà Nguyễn Thị T lập di chúc thừa kế đối với thửa đất này là có căn cứ.

[5] Mặc dù anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y thuộc đối tượng được cấp đất nhưng khi nộp tiền lệ phí cấp đất anh Tống Thế V đã dùng số tiền mà ông Tống Thế L, bà Nguyễn Thị T (bố mẹ đẻ anh) đưa cho để nộp, tổng cộng 3 lần nộp là 1.800.000 đồng trong đó có một lần nộp trước thời điểm anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y kết hôn với số tiền 100.000đ. Sau khi ông Tống Thế L mất năm 2011, bà Nguyễn Thị T đã bỏ tiền ra xây dựng một căn nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Tống Thế V và chị Nguyễn Thị Y phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế của ông Tống Thế L khoản tiền tương ứng với giá trị của thửa đất tại thời điểm hiện nay và phần tài sản mà bà Nguyễn Thị Y đã xây dựng trên đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác toàn bộ kháng cáo của anh Tống Thế V; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm tại mục 2 về tài sản chung và công nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí dân sự phúc thẩm anh Tống Thế V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu tiền án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Tống Thế V; giữ nguyên quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện G tại mục 2 về tài sản chung và công nợ cụ thể như sau:

- Giao cho anh Tống Thế V được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (do bà Nguyễn Thị T xây dựng) và có quyền sử dụng 120 m^2 đất, tại thửa số 69, tờ bản đồ số 13, đường 477, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Tống Thế V và số tiền bán xe mô tô 15.000.000 đồng. Tổng giá trị là **689.410.566** đồng.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu 01 nhà mái bằng; 01 quán cắt tóc; 01 nhà bếp; 03 chuồng lợn; 01 nhà vệ sinh; 01 bể nước và 20,5m tường bao và có quyền sử dụng 666,47 m^2 đất, tại thửa số 120, tờ bản đồ số 15 thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình với tứ cận có sơ đồ đo vẽ phần đất của chị Nguyễn Thị Y kèm theo bản án và là bộ phận không thể tách rời của bản án này. Tổng giá trị là: **339.393.592** đồng.

Chị Nguyễn Thị Y và anh Tống Thế V có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

- Anh Tống Thế V có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế của ông Tống Thế L gồm ông, bà: Tống Thế V, Tống Thế P, Tống Thị Q, Tống Thị H, Tống Thị X, Tống Thị N, Tống Thế T, Tống Thế T và Tống Thế V tổng số tiền là **304.224.726** đồng (*Ba trăm linh bốn triệu hai trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*), và thanh toán trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Y số tiền là **22.896.124** đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*).

- Chị Nguyễn Thị Y phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Tống Thị H số tiền là **4.000.000** đồng (*Bốn triệu đồng*).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tống Thế V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 9.157.000đ (Chín triệu một trăm năm bảy nghìn

đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/03985 ngày 16/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Ninh Bình. Anh Tống Thế V được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 8.857.000đ (Tám triệu tám trăm năm bảy nghìn đồng).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Khôi **Nguyễn Thị Hoa** **Tạ Văn Vinh**